

Số: /TB-ĐHV

Nghệ An, ngày tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Điểm trúng tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026
của Trường Đại học Vinh

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng; Quyết định số 1273/QĐ-ĐHV ngày 29/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 98/TB-ĐHV ngày 26/06/2026 của Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh Thông tin tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Vinh năm 2026; Thông báo số 106/TB-ĐHV ngày 09/07/2026 của Trường Đại học Vinh về việc ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và quy tắc quy đổi tương đương để xét tuyển đại học chính quy năm 2026; Thông báo số 116/TB-ĐHV ngày 20/07/2026 của Trường Đại học Vinh về việc Quy đổi điểm tương đương giữa các tổ hợp xét tuyển vào đại học chính quy năm 2026; Thông báo số 134/TB-ĐHV ngày 18/08/2026 của Trường Đại học Vinh về việc đăng ký xét tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 tại cuộc họp ngày 03/9/2026;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh thông báo điểm trúng tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026 của Trường Đại học Vinh (*có phụ lục kèm theo*).

1. Tra cứu kết quả trúng tuyển đợt 2 năm 2026

- Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển tại:

<https://diemthi.vinhuni.edu.vn/diemthi/tracuu.aspx>

Thời gian: Từ 15 giờ 00 ngày 04/9/2026.

2. Nhập học đợt 2 năm 2026

- **Nhập học trực tuyến:** Thí sinh nhập học trực tuyến trên Hệ thống nhập học của Trường Đại học Vinh tại:

<https://nhaphoconline.vinhuni.edu.vn/>

Thời gian: Từ 08 giờ 00 ngày 06/9/2026 đến trước 17 giờ 00 ngày 08/9/2026.

- **Nhập học trực tiếp:** Thí sinh nhập học trực tiếp tại Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Trường Đại học Vinh; địa chỉ: Tầng 1, Nhà Điều hành (Số 182, đường Lê Duẩn, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An).

Thời gian: Buổi sáng ngày 09/9/2026 (01 buổi).

Lưu ý:

- *Thí sinh vui lòng truy cập đúng địa chỉ website chính thức của Nhà trường được thông báo ở trên để thực hiện các nội dung theo hướng dẫn.*

- *Nếu quá thời hạn nêu trên thí sinh không nhập học thì được xem là từ chối nhập học.*

Thông tin liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh; địa chỉ: Tầng 1, Nhà Điều hành, số 182 đường Lê Duẩn, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An; email: tuyensinh@vinhuni.edu.vn; điện thoại: 0238.898 8989 (giờ hành chính).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các Sở GD&ĐT;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Ngọc Hiền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Thông báo điểm trúng tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026 của Trường Đại học Vinh (tính theo thang điểm 30)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHV, ngày tháng 9 năm 2026
của Trường Đại học Vinh)

TT	Mã ngành	Tên ngành/chương trình đào tạo	Tổ hợp gốc và chênh lệch điểm	Phương thức 100	Phương thức 200	Điều kiện phụ/ ghi chú
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01 (gốc); C03 (+1,50)	24,55	-	
2.	7140205	Giáo dục Chính trị	X70 (gốc); X74 (0,00)	25,15	-	
3.	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	X70 (gốc); X01 (0,00)	21,30	-	
4.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00 (gốc); D14 (0,00)	25,85	-	
5.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01 (gốc); D14 (+0,25)	24,62	-	Tiếng Anh $\geq 6,50$ điểm
6.	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	A00 (gốc); B00 (+0,25)	24,68	-	
7.	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	C00 (gốc); D14 (0,00)	25,55	-	
8.	7310104	Kinh tế đầu tư	A01 (gốc); C01 (+0,50)	19,00	22,00	
9.	7310110	Quản lý kinh tế	A01 (gốc); C01 (+0,50)	18,50	21,50	
10.	7340101TA	Quản trị kinh doanh (Chương trình tăng cường Tiếng Anh)	D01 (gốc); C01 (+0,50)	20,50	23,50	
11.	7380101	Luật	C00 (gốc); D01 (0,00)	20,00	23,00	Ngữ văn $\geq 6,00$ điểm
12.	7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	C00 (gốc); X70 (0,00)	20,00	23,00	Ngữ văn $\geq 6,00$ điểm
13.	7380103	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	C00 (gốc); D14 (0,00)	20,00	23,00	Ngữ văn $\geq 6,00$ điểm
14.	7380107	Luật kinh tế	D01 (gốc); C03 (0,00)	20,00	23,00	Ngữ văn $\geq 6,00$ điểm
15.	7420201	Công nghệ sinh học (Chuyên ngành: Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật phân tích môi trường)	B00 (gốc); A00 (-0,25)	18,00	21,00	
16.	7480101	Khoa học máy tính	X26 (gốc); A01 (-0,25)	19,00	22,00	
17.	7480201	Công nghệ thông tin	A00 (gốc); A01 (-1,00)	19,50	22,50	

TT	Mã ngành	Tên ngành/chương trình đào tạo	Tổ hợp gốc và chênh lệch điểm	Phương thức 100	Phương thức 200	Điều kiện phụ/ ghi chú
18.	7480201CN	Công nghệ thông tin (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)	A00 (gốc); A01 (-1,00)	19,50	22,50	
19.	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 (gốc); B00 (+0,25)	17,00	20,00	
20.	7580101	Kiến trúc	D01 (gốc);	17,00	20,00	
21.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A01 (gốc); D01 (+0,50)	17,50	20,50	
22.	7620105	Chăn nuôi	B03 (gốc); C03 (0,00)	15,00	18,00	
23.	7620109	Nông học (Chuyên ngành Bảo vệ thực vật)	B03 (gốc); C03 (0,00)	15,00	18,00	
24.	7620110	Khoa học cây trồng	B03 (gốc); C03 (0,00)	15,00	18,00	
25.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	C02 (gốc); D01 (0,00)	15,00	18,00	

Ví dụ:

TT 1: Ngành Giáo dục Tiểu học xét tuyển 2 tổ hợp: D01 (gốc), C03 (+1,50). Điểm trúng tuyển theo tổ hợp D01 (gốc) là 24,55 điểm thì tổ hợp C03 (+1,50) sẽ là 26,05 điểm.

TT 17: Ngành Công nghệ thông tin xét tuyển 2 tổ hợp: A00 (gốc), A01 (-1,00). Điểm trúng tuyển phương thức 100 theo tổ hợp A00 (gốc) là 19,50 điểm thì tổ hợp A01 (-1,00) sẽ là 18,50 điểm. Điểm trúng tuyển phương thức 200 theo tổ hợp A00 (gốc) là 22,50 điểm thì tổ hợp A01 (-1,00) sẽ là 21,50 điểm.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
TỔ HỢP XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHV, ngày tháng 9 năm 2026
của Trường Đại học Vinh)

Tổ hợp khối A	Môn thi/môn xét tuyển
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
Tổ hợp khối B	
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
Tổ hợp khối C	
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý
Tổ hợp khối D	
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
Tổ hợp khối X	
X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
X26	Toán, Tiếng Anh, Tin học
X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
X78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.